



Luatvietnam.vn



1900 6192



Luật Việt Nam

LuatVietnam

Tiện ích văn bản luật



PHÁP LÝ DOANH NGHIỆP

PHÂN TÍCH THÔNG TƯ 50/2022/TT-BTC

về quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động
đầu tư xây dựng



PHÂN TÍCH THÔNG TƯ 50/2022/TT-BTC VỀ QUY ĐỊNH BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Ngày 11/8/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 50/2022/TT-BTC về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và có hiệu lực từ ngày 01/10/2022.

Qua phân tích Thông tư 50/2022/TT-BTC, LuatVietnam nhận thấy các doanh nghiệp cần lưu ý một số điểm mới nổi bật liên quan đến bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng dưới đây:

**Ghi chú: Cụm từ "quy định trước đây" hay "trước đây" được nêu trong bản phân tích này được hiểu là các quy định tại Thông tư 329/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 119/2015/NĐ-CP về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.*

QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 50/2022/TT-BTC	ĐIỂM MỚI SO VỚI QUY ĐỊNH TRƯỚC ĐÂY
1. Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (Điều 4)	
<p>1. Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (Điều 4) hiêm chủ động thiết kế và phải bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, số điện thoại đường dây nóng của doanh nghiệp bảo hiểm.</p> <p>b) Tên, địa điểm công trình xây dựng.</p> <p>c) Số tiền bảo hiểm.</p> <p>d) Tổng giá trị công trình xây dựng (nếu có).</p> <p>đ) Số hợp đồng tư vấn, giá trị hợp đồng tư vấn trong đó tách riêng phần giá trị tư vấn khảo sát xây dựng và giá trị tư vấn thiết kế xây dựng (đối với bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động đầu tư xây dựng).</p> <p>e) Tổng số người lao động được bảo hiểm (đối với bảo hiểm bắt buộc cho người lao động thi công trên công trường).</p> <p>g) Thời hạn bảo hiểm, tỷ lệ phí bảo hiểm, phí bảo hiểm, mức</p>	<p>Không quy định</p>

<p>khấu trừ (nếu có).</p> <p>h) Ngày, tháng, năm cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.</p> <p>3. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử, doanh nghiệp bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử phải tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành và phản ánh đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	
<p>2. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung (Điều 5)</p>	
<p>Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường cho các tổn thất sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổn thất phát sinh do chiến tranh, bạo loạn, đình công, hành động của các thế lực thù địch, nổi loạn, hành động ác ý nhân danh hoặc có liên quan tới các tổ chức chính trị, tịch biên, sung công, trưng dụng, trưng thu hay phá hủy hoặc bị gây thiệt hại theo lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Tổn thất phát sinh do hành động khủng bố. 3. Tổn thất phát sinh do phản ứng hạt nhân, phóng xạ hạt nhân, nhiễm phóng xạ. 4. Tổn thất phát sinh từ hành vi cố ý vi phạm pháp luật của bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm (quy định này không áp dụng đối với bảo hiểm bắt buộc cho người lao động thi công trên công trường trong trường hợp người lao động tự vệ, cứu người, cứu tài sản hoặc sử dụng các chất kích thích để điều trị theo chỉ định của bác sĩ). 5. Tổn thất phát sinh trong trường hợp bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm theo tại Khoản 9 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm. 6. Tổn thất phát sinh do ngừng công việc thi công xây dựng hoặc tổn thất do hậu quả của ngừng công việc thi công xây dựng (dù là ngừng một phần hoặc toàn bộ công việc thi công). 7. Tổn thất đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính. 	<p>So với trước đây, Thông tư mới đã hệ thống lại rõ ràng các trường hợp mà doanh nghiệp bảo hiểm được loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung đồng thời mở rộng thêm một số tổn thất mà doanh nghiệp bảo hiểm được loại trừ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tổn thất phát sinh do hành động ác ý nhân danh hoặc có liên quan tới các tổ chức chính trị; • Tổn thất phát sinh do tịch biên, sung công, trưng dụng, trưng thu hay phá hủy hoặc bị gây thiệt hại theo lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền • Tổn thất phát sinh do ngừng công việc thi công xây dựng hoặc tổn thất do hậu quả của ngừng công việc thi công xây dựng
<p>3. Trường hợp chấm dứt hợp đồng bảo hiểm (Điều 6)</p>	

<p>Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm có thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm về việc hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp tạm dừng thực hiện công việc trong hợp đồng xây dựng hoặc chấm dứt hợp đồng xây dựng theo quy định pháp luật. <p>Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư có quyết định về việc tạm dừng thực hiện công việc trong hợp đồng xây dựng hoặc chấm dứt hợp đồng xây dựng theo quy định pháp luật. Thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm được xác định căn cứ vào thời điểm tạm dừng thực hiện công việc trong hợp đồng xây dựng hoặc chấm dứt hợp đồng xây dựng theo quy định pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp chấm dứt khác theo quy định pháp luật. 	<p>Trước đây còn quy định trường hợp chấm dứt hợp đồng nếu bên mua bảo hiểm không đóng đủ/không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng</p>
<p>4. Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng</p>	
<p>4.1. Đối tượng bảo hiểm (Điều 7)</p> <p>Đối tượng bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng là công trình, hạng mục công trình quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 119/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 Nghị định 20/2022/NĐ-CP. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Phụ lục X Nghị định 15/2021/NĐ-CP; - Công trình đầu tư xây dựng có tác động xấu/nguy cơ tác động xấu đến môi trường phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP; - Công trình có yêu cầu kỹ thuật đặc thù, điều kiện thi công xây dựng phức tạp theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan. 	<p>Trước đây quy định đối tượng công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Phụ lục II Nghị định 46/2015/NĐ-CP</p>
<p>4.2. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm (Điều 8)</p> <p>Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung theo quy định tại 	<p>So với trước đây đã bổ sung thêm trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí sửa chữa, thay thế, chỉnh sửa do lỗi tay nghề (chỉ áp dụng với tổn thất của

<p>Điều 5 Thông tư này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tồn thất phát sinh do lỗi thiết kế của nhà thầu vấn đối với công trình xây dựng. - Tồn thất do hiện tượng ăn mòn, mài mòn, oxy hóa. - Tồn thất do hiện tượng mục rữa và diễn ra trong điều kiện áp suất, nhiệt độ bình thường (quy định này chỉ áp dụng đối với các công trình xây dựng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư này). - Tồn thất do hiện tượng kết tạo vẩy cứng như han gỉ, đóng cặn hoặc các hiện tượng tương tự khác (quy định này chỉ áp dụng đối với các công trình xây dựng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này). - Chi phí sửa chữa, thay thế, chỉnh sửa khuyết tật của nguyên vật liệu hoặc lỗi tay nghề. Loại trừ này chỉ áp dụng đối với tồn thất của các hạng mục bị ảnh hưởng trực tiếp, không áp dụng đối với tồn thất của các hạng mục khác là hậu quả gián tiếp do khuyết tật của nguyên vật liệu hoặc lỗi tay nghề. - Tồn thất hay thiệt hại chỉ phát hiện được vào thời điểm kiểm kê. 	<p>các hạng mục bị ảnh hưởng trực tiếp, không áp dụng đối với tồn thất của các hạng mục khác là hậu quả gián tiếp do lỗi tay nghề).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tồn thất hay thiệt hại chỉ phát hiện được vào thời điểm kiểm kê.
<p>4.3. Phí bảo hiểm (Điều 10)</p> <p>Phí bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với công trình xây dựng được bảo hiểm có giá trị <1000 tỷ đồng, không bao gồm phần công việc lắp đặt hoặc có bao gồm phần công việc lắp đặt nhưng chi phí thực hiện phần công việc lắp đặt <50% tổng giá trị hạng mục công trình xây dựng được bảo hiểm: Phí bảo hiểm được xác định theo điểm a khoản 1 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. • Đối với công trình xây dựng được bảo hiểm có giá trị <1.000 tỷ đồng, có bao gồm công việc lắp đặt và chi phí thực hiện phần công việc lắp đặt chiếm từ ≥50% tổng giá trị hạng mục công trình xây dựng được bảo hiểm: Phí bảo hiểm được xác định theo điểm a khoản 1 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. 	<p>Thay đổi ngưỡng giá trị công trình xây dựng để xác định phí bảo hiểm từ 700 tỷ đồng thành 1000 tỷ đồng</p>

<ul style="list-style-type: none"> • Đối với các công trình xây dựng chưa được quy định tại điểm a khoản 1 Mục I và điểm a khoản 1 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này hoặc công trình xây dựng ≥ 1.000 tỷ đồng, doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận quy tắc, điều khoản, phí bảo hiểm và mức khấu trừ trên cơ sở bằng chứng chứng minh doanh nghiệp đứng đầu nhận tái bảo hiểm xác nhận nhận tái bảo hiểm theo đúng quy tắc, điều khoản, phí bảo hiểm và mức khấu trừ mà doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp cho bên mua bảo hiểm. Doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài, tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài phải được xếp hạng tối thiểu "BBB" theo Standard & Poor's, "B++" theo A.M. Best hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác trong năm tài chính gần nhất năm nhận tái bảo hiểm. 	<p>Thay đổi ngưỡng giá trị công trình xây dựng để xác định phí bảo hiểm từ 700 tỷ đồng thành 1000 tỷ đồng</p>
<p>4.4. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm theo kỳ (Điều 10)</p> <p>Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng thực hiện theo quy định tại Thông tư 50/2017/TT-BTC.</p> <p>Theo đó, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>Các kỳ thanh toán phí bảo hiểm tiếp theo được thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm tại hợp đồng bảo hiểm đã giao kết ban đầu. Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không được thỏa thuận thay đổi thời hạn thanh toán phí bảo hiểm trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Trong mọi trường hợp, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.</p>	<p>Không quy định thời hạn thanh toán kỳ thanh toán cuối cùng (<i>trước 15 ngày tính đến ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm</i>) như trước đây mà thực hiện theo thỏa thuận của doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm trong hợp đồng chỉ cần đảm bảo không vượt quá thời hạn bảo hiểm</p>
<p>4.5. Trách nhiệm mua bảo hiểm (Điều 11)</p> <p>Chủ đầu tư hoặc nhà thầu (trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng) phải mua bảo hiểm cho toàn bộ công trình hoặc cho từng hạng mục của công trình trong thời gian xây dựng.</p>	<p>Quy định thêm nhà thầu (trong trường hợp phí bảo hiểm công trình đã được tính vào giá hợp đồng) phải mua bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng để phù hợp với thực tế</p>
<p>4.6. Hồ sơ bồi thường bảo hiểm (Điều 13)</p>	<p>Hiện nay cần Văn bản yêu cầu bồi thường</p>

<p>1. Văn bản yêu cầu bồi thường của bên mua bảo hiểm. [...]</p>	<p>của bên mua bảo hiểm thay vì phải có Thông báo sự cố công trình xây dựng và yêu cầu bồi thường do bên mua bảo hiểm lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 Thông tư 329/2016/TT-BTC như trước đây</p>
<p><i>Một số loại giấy tờ khác trong Hồ sơ bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng vẫn được giữ nguyên như trước đây. Xem chi tiết tại Điều 13 Thông tư này.</i></p>	
<p>5. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng</p>	
<p>5.1. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm (Điều 15)</p> <p>Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung theo quy định tại Điều 5 Thông tư này. - Tồn thất phát sinh do nhà thầu tư vấn cố ý lựa chọn phương pháp thi công, tính toán, đo đạc, thiết kế, sử dụng vật liệu chưa được thử nghiệm. - Chi phí thiết kế lại hoặc sửa bản vẽ, kế hoạch, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật hoặc danh mục tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. - Tồn thất phát sinh do nấm mốc. - Tồn thất do việc tư vấn khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng dẫn đến gây ô nhiễm, nhiễm bẩn đối với môi trường và bên thứ ba. - Tồn thất có liên quan đến chất amiăng hoặc bất kỳ nguyên vật liệu nào có chứa chất amiăng. - Tồn thất phát sinh từ việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. 	<p>Bổ sung thêm các trường hợp loại trừ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thiết kế lại hoặc sửa bản vẽ, kế hoạch, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật hoặc danh mục tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. - Tồn thất phát sinh do nấm mốc. - Tồn thất phát sinh từ việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.
<p>5.2. Trách nhiệm mua bảo hiểm (Điều 18)</p> <p>Nhà thầu tư vấn phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng khi thực hiện công việc tư vấn đầu tư xây dựng</p>	<p>Trước đây, phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng trước khi thực hiện công việc tư vấn đầu tư xây dựng</p>
<p>5.3. Hồ sơ bồi thường bảo hiểm (Điều 20)</p>	<p>Thay Thông báo yêu cầu đòi bồi thường</p>

<p>Hồ sơ bồi thường bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>1. Văn bản yêu cầu bồi thường của bên mua bảo hiểm.</p>	<p>của bên thứ ba và yêu cầu bồi thường do bên mua bảo hiểm lập theo mẫu tại Phụ lục 10 Thông tư 329/2016/TT-BTC bằng Văn bản yêu cầu bồi thường của bên mua bảo hiểm</p>
<p><i>Một số loại giấy tờ khác trong Hồ sơ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng vẫn được giữ nguyên như trước đây. Xem chi tiết tại Điều 20 Thông tư này.</i></p>	
<p>6. Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường</p>	
<p>6.1. Trách nhiệm mua bảo hiểm (Điều 25)</p> <p>Nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường khi người lao động thực hiện công việc thi công trên công trường</p>	<p>Trước đây phải mua trước khi người lao động thực hiện công việc thi công trên công trường</p>
<p>6.2. Hồ sơ bồi thường bảo hiểm (Điều 27)</p> <p>Hồ sơ bồi thường bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>1. Văn bản yêu cầu bồi thường của bên mua bảo hiểm</p> <p>[...]</p>	<p>Thay Thông báo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và yêu cầu bồi thường do bên mua bảo hiểm lập theo mẫu tại Phụ lục 11 Thông tư 329/2016/TT-BTC bằng Văn bản yêu cầu bồi thường của bên mua bảo hiểm</p>
<p><i>Một số loại giấy tờ khác trong Hồ sơ bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường vẫn được giữ nguyên như trước đây. Xem chi tiết tại Điều 27 Thông tư này.</i></p>	
<p>7. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba</p>	
<p>7.1. Số tiền bảo hiểm tối thiểu (Điều 28)</p> <p>Số tiền bảo hiểm tối thiểu bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 20/2022/NĐ-CP. Theo đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng là một trăm (100) triệu đồng cho một người trong một vụ và không giới hạn số vụ tổn thất. - Số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) được xác định như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với công trình có giá trị <1000 tỷ đồng, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) là 10% giá trị công trình cho 	<p>Không quy định</p>

<p>cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất.</p> <p>+ Đối với công trình có giá trị ≥ 1000 tỷ đồng, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) là 100 tỷ đồng cho cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất.</p>	
<p>7.2. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm (Điều 29)</p> <p>Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung theo quy định tại Điều 5 Thông tư này. - Tổn thất phát sinh từ sự ô nhiễm hoặc nhiễm bẩn. Loại trừ này không áp dụng đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản phát sinh từ sự ô nhiễm hoặc nhiễm bẩn do rủi ro bất ngờ, không lường trước được. - Thiệt hại đối với tài sản trên mặt đất hay sức khỏe, tính mạng do bộ phận chịu lực và địa chất công trình bị dịch chuyển hay suy yếu gây ra. - Thiệt hại là hậu quả của tai nạn gây ra bởi xe cơ giới hay các phương tiện tàu thuyền, xà lan hay máy bay đã tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện đối với bên thứ ba. - Trách nhiệm là hậu quả của các thương tật hay ốm đau gây ra cho người lao động của chủ đầu tư hoặc nhà thầu có liên quan đến công trình được bảo hiểm. - Tổn thất xảy ra đối với tài sản thuộc sở hữu hoặc thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của chủ đầu tư hoặc nhà thầu hay của người lao động hoặc công nhân của một trong những người trên. - Tổn thất có liên quan đến chất amiăng hoặc bất kỳ nguyên vật liệu nào có chứa chất amiăng. 	<p>Không quy định</p>
<p>7.3. Thời hạn bảo hiểm (Điều 30)</p> <p>Thời hạn bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối bên thứ ba là khoảng thời gian cụ thể, tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng căn cứ vào hợp đồng xây dựng và</p>	<p>Không quy định</p>

<p>được ghi trong hợp đồng bảo hiểm.</p>	
<p>7.4. Trách nhiệm mua bảo hiểm (Điều 32)</p> <p>Nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba khi thực hiện thi công xây dựng công trình.</p>	<p>Không quy định</p>
<p>7.5. Nguyên tắc bồi thường bảo hiểm (Điều 33)</p> <p>1. Khi bên thứ ba bị thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe, tính mạng, tài sản phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng thuộc trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ có trách nhiệm chi trả cho bên mua bảo hiểm theo mức bồi thường sau:</p> <p>a) Mức bồi thường cụ thể về sức khỏe, tính mạng được xác định theo từng loại thương tật theo Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này hoặc theo thoả thuận (nếu có) giữa người được bảo hiểm và người bị thiệt hại hoặc người thừa kế của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) hoặc đại diện của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc chưa đủ sáu tuổi) nhưng không vượt quá mức bồi thường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp có quyết định của Tòa án thì căn cứ vào quyết định của Tòa án nhưng không vượt quá mức bồi thường quy định Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>b) Mức bồi thường cụ thể về thiệt hại đối với tài sản/1 vụ tai nạn được xác định theo thiệt hại thực tế và mức độ lỗi nhưng không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>c) Chi phí pháp lý có liên quan (nếu có).</p> <p>Tổng số tiền bồi thường bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm quy định tại khoản này không vượt quá số tiền bảo hiểm quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 20/2022/NĐ-CP.</p> <p>2. Khi có yêu cầu đòi bồi thường của bên thứ ba, bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm phối hợp giải quyết bồi thường bảo hiểm như sau:</p>	<p>Không quy định</p>

<p>a) Đối với bên mua bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập tức thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm bằng các phương tiện thông tin liên lạc; sau đó trong thời hạn mười bốn (14) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đòi bồi thường của bên thứ ba, phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm. - Thực hiện mọi biện pháp trong phạm vi khả năng của mình để hạn chế tổn thất ở mức thấp nhất. - Cung cấp các tài liệu trong hồ sơ bồi thường theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 34 Thông tư này, tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình xác minh các tài liệu đó. - Thực hiện, phối hợp, cho phép doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện các hành động và biện pháp cần thiết hoặc theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm bảo vệ quyền lợi mà doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng sau khi bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo Thông tư này. <p>b) Đối với doanh nghiệp bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám định tổn thất theo quy định pháp luật và lập biên bản giám định nguyên nhân và mức độ thiệt hại theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Thông tư này. - Hướng dẫn bên mua bảo hiểm, phối hợp với bên mua bảo hiểm và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thu thập đầy đủ các tài liệu để lập hồ sơ bồi thường. - Phối hợp với bên mua bảo hiểm để giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của bên thứ ba thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. - Trường hợp chấp nhận bồi thường bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải có văn bản thông báo bồi thường bảo hiểm. - Trường hợp từ chối bồi thường bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải có văn bản giải thích lý do. 	
<p>7.6. Hồ sơ bồi thường bảo hiểm (Điều 34)</p> <p>Hồ sơ bồi thường bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>1. Văn bản yêu cầu bồi thường của bên mua bảo hiểm.</p>	<p>Không quy định</p>

2. Tài liệu liên quan đến đối tượng bảo hiểm bao gồm: Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm.

3. Văn bản yêu cầu bồi thường của bên thứ ba đối với người được bảo hiểm.

4. Tài liệu chứng minh thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của bên thứ ba (Bản sao của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc bản sao có xác nhận của doanh nghiệp bảo hiểm sau khi đã đối chiếu với bản chính) do bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm cung cấp. Tùy theo mức độ thiệt hại về người có thể bao gồm một hoặc một số các tài liệu sau:

a) Giấy chứng nhận thương tích.

b) Giấy ra viện.

c) Giấy chứng nhận phẫu thuật.

d) Hồ sơ bệnh án.

đ) Trích lục khai tử hoặc Giấy báo tử hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an hoặc kết quả giám định của Cơ quan giám định pháp y.

5. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:

a) Hồ sơ sự cố công trình xây dựng (bản sao công chứng hoặc bản sao của bên lập hồ sơ) theo quy định tại Điều 47 Nghị định 06/2021/NĐ-CP (nếu có).

b) Hóa đơn, chứng từ hợp lệ trong trường hợp sửa chữa, thay mới tài sản.

6. Biên bản giám định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do doanh nghiệp bảo hiểm hoặc người được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền lập.

7. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Trên đây là phân tích Thông tư 50/2022/TT-BTC, Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/10/2022. Ngoài ra Thông tư này còn có một số thay đổi khác.

NỘI DUNG CHI TIẾT VUI LÒNG XEM TOÀN VĂN CỦA VĂN BẢN

